

Bản án số: 21/2017/DS-ST

Ngày: 17-10-2017

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Di.

2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thiên Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2017/QĐXX-ST ngày 27 tháng 7 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2017/QĐST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2017 và Thông báo hoãn phiên tòa số 25/TB-TA ngày 20/9/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê H, sinh năm: 1965 và bà Bạch Thị R, sinh năm: 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Số Q22, tổ 7, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm: 1966 và bà Võ Thị B, sinh năm: 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: B34 tổ 3 ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/01/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/5/2017 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn vợ chồng ông Lê H, bà Bạch Thị R trình bày:

Từ ngày 02/12/2012, bà Võ Thị B (tên thường gọi là P) có tham gia hội do bà Bạch Thị R làm chủ hội, cụ thể như sau:

- Hội ngày 02/12/2012, bà B còn thiếu vợ chồng ông H, bà R 20.000.000đ, hội này có 12 người tham gia, mỗi người đóng 01 tháng 5.000.000đ. Bà B đóng được 08 kỳ với số tiền 40.000.000đ, bà B lĩnh hội vào

tháng nào bà R không nhớ, những người tham gia họ này bà R chỉ biết tên, không biết địa chỉ chính xác.

- Hui ngày 21/3/2014, bà B còn 08 tháng chưa đóng và còn thiếu lại vợ chồng ông H, bà R 80.000.000đ, hui này cũng có 12 người tham gia, mỗi người một tháng đóng 10.000.000đ. Bà B lĩnh hui tháng 7/2014 được số tiền 108.800.000đ và đã góp được 40.000.000đ, còn thiếu 08 tháng với số tiền 80.000.000đ, những người tham gia họ này bà R chỉ biết tên, không biết địa chỉ chính xác.

Tổng cộng vợ chồng ông T, bà B còn thiếu vợ chồng ông H, bà R 100.000.000đ tiền hui. Ngoài ra, vợ chồng ông T, bà B còn vay của vợ chồng ông H, bà R 03 lần với số tiền 350.000.000đ, cụ thể như sau:

- Ngày 04/12/2010 âm lịch (ngày 07/01/2011 dương lịch), vợ chồng ông H, bà R cho vợ chồng ông T, bà B vay 100.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, không thế chấp tài sản, mục đích vay để làm ghe. Khi vay bà B có viết giấy vay tiền, trong quá trình vay mượn vợ chồng ông T, bà B đã thanh toán tiền lãi từ tháng 01/2011 âm lịch đến tháng 12/2013 âm lịch là 43.000.000đ, tiền gốc chưa trả.

- Ngày 19/11/2013 âm lịch (ngày 21/12/2013 dương lịch), vợ chồng ông H, bà R cho vợ chồng ông T, bà B vay 100.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, không thế chấp tài sản, mục đích vay để sửa chữa ghe. Khi vay bà B có viết giấy vay tiền và đã thanh toán được khoảng 4 – 5 tháng tiền lãi, tiền gốc chưa thanh toán.

- Ngày 26/11/2013 âm lịch (ngày 28/12/2013 dương lịch) vợ chồng ông H, bà R cho vợ chồng ông T, bà B vay 150.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, không thế chấp tài sản, mục đích vay để sửa chữa ghe. Khi vay bà B là người viết và ký xác nhận số tiền vay và đã thanh toán được khoảng 4 – 5 tháng tiền lãi, tiền gốc chưa thanh toán.

Vợ chồng ông H, bà R khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T, bà B phải thanh toán 450.000.000đ (trong đó có 100.000.000đ tiền hui và 350.000.000đ), không yêu cầu thanh toán tiền lãi.

Ngày 07/9/2017, vợ chồng ông H, bà R có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hui 100.000.000đ, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T, bà B trả lại 350.000.000đ tiền vay theo các giấy vay tiền.

- *Về ý kiến của bị đơn ông Trần Văn T, bà Võ Thị B:* Trong quá trình tố tụng ông T và bà B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì.

Theo kết quả xác minh, ông Trần Văn T, bà Võ Thị B hiện nay đang cư trú tại B34 tổ 3 ấp Phước Bình, xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Lê H và bà Bạch Thị R xác định chỉ yêu cầu

Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T, bà B thanh toán 350.000.000 đồng tiền vay. Bị đơn vợ chồng ông T, bà B đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vợ chồng ông T, bà B vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa không có lý do là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc giải quyết vụ án: Ngày 07/9/2017, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với 100.000.000 đồng tiền hui đối với bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này. Nguyên đơn vợ chồng ông H, bà R khởi kiện yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Trần Văn T, bà Võ Thị B thanh toán 350.000.000đ theo các giấy vay mượn tiền 04/12/2010 âm lịch, ngày 19/11/2013 và ngày 26/11/2013 là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông H, bà R buộc vợ chồng ông T, bà B có trách nhiệm trả lại số tiền vay 350.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Ngày 19/01/2017, vợ chồng ông H, bà R có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T, bà B phải thanh toán 450.000.000đ phát sinh trong quá trình tham gia hui và vay mượn tài sản được xác định là “Tranh chấp tiền hui và tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ngày 07/9/2017, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phát sinh trong quá trình tham gia hui nên quan hệ tranh chấp được xác là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn cư trú tại xã P, huyện L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ngày 07/9/2017, vợ chồng ông H, bà R có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hui 100.000.000đ là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vợ chồng ông T, bà B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

[4] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy: Do có mối quan hệ quen biết nên vợ chồng ông H, bà R cho bà B vay 03 lần với tổng số tiền là 350.000.000đ, khi vay mượn đều có làm giấy tờ, không thỏa thuận thời gian thanh toán và không thế chấp tài sản gì, cụ thể như sau:

[5] Ngày 04/12/2010 âm lịch, vợ chồng ông H, bà R cho vợ chồng bà B, ông T vay 100.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất. Đến ngày 19/11/2013 âm lịch vợ chồng ông H, bà R cho vợ chồng bà B, ông T vay thêm 100.000.000đ, với lãi suất 3%/tháng và đến ngày 26/11/2013 vợ chồng ông H, bà R cho vợ chồng bà B, ông T vay tiếp 150.000.000đ với lãi suất 3%/tháng. Do thời gian vay mượn đã lâu mà vợ chồng ông T, bà B không thực hiện việc trả nợ nên vợ chồng ông H, bà R khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc phải trả số tiền nói trên. Xét lời khai của nguyên đơn phù hợp với các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình là các giấy vay tiền ngày 04/12/2010, ngày 19/11/2013 và ngày 26/11/2013 trên các giấy vay mượn tiền đều có bút tích là chữ ký, chữ viết của bà B, theo lời khai nguyên đơn thì việc vay mượn ông T đều biết và mục đích vay để sửa chữa ghe của gia đình. Từ đó, Hội đồng xét xử có cơ sở để khẳng định quan hệ vay mượn giữa vợ chồng ông H, bà R với vợ chồng ông T, bà B là có thật và làm phát sinh quyền nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng.

[6] Vợ chồng ông T, bà B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay là mặc nhiên từ bỏ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và cố tình trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ của mình đối với nguyên đơn. Do đó, phải chịu hậu quả về việc vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định. Tại các giấy vay tiền không thể hiện thời hạn vay nên nguyên đơn có quyền yêu cầu bên vay phải thanh toán khoản tiền vay theo quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông H, bà R là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về tiền lãi: Vợ chồng ông H, bà R không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[8] Về số tiền lãi đã thanh toán: Theo nội dung trong các giấy vay mượn tiền có thể hiện việc vợ chồng ông T, bà B có thanh toán cho vợ chồng ông H, bà R một khoản tiền lãi nhưng không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[9] Từ những nhận định trên cần tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông H, bà R, buộc vợ chồng ông T, bà B phải trả số tiền nợ gốc 350.000.000đ.

[10] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn vợ chồng ông T, bà B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 17.500.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 217, 227, 228 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 357, 463, 466, 468 và 688 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Lê H, bà Bạch Thị R về việc yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn T (P), bà Võ Thị B (P) thanh toán số tiền 100.000.000đ tiền họ.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Lê H, bà Bạch Thị R đối với vợ chồng ông Trần Văn T (P), bà Võ Thị B (P) về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc vợ chồng ông Trần Văn T (P), bà Võ Thị B (P) có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng ông Lê H, bà Bạch Thị R số tiền 350.000.000đ theo các giấy vay, mượn tiền ngày 04/12/2010 (âm lịch), ngày 19/11/2013 (âm lịch) và ngày 26/11/2013 (âm lịch).

Kể từ ngày, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Vợ chồng ông Trần Văn T (P), bà Võ Thị B (P) phải nộp 17.500.000 (mười bảy triệu, năm trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vợ chồng ông Lê H, bà Bạch Thị R được hoàn trả 11.000.000 (mười một triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: TU/2016/0002764 ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 17/10/2017)

các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Mai